

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ vệ sinh cho Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành phố Cần Thơ, từ ngày 01/11/2025 – 31/10/2027
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành phố Cần Thơ.
- Địa điểm thực hiện dịch vụ: khu vực Bình Hòa A, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
- Thời thực hiện hợp đồng: 24 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh qua mạng
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói
- Nguồn vốn: Nguồn thu khám chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của bệnh viện

2. Yêu cầu về kỹ thuật

*** Tiêu chuẩn sạch:**

Khu vực sạch đặc biệt (phòng thủ thuật, ICU, hồi sức, xét nghiệm vi sinh, kho thuốc, phòng thanh trùng):

- Không bụi, không vết bẩn, không tồn dư dịch sinh học.
- Bề mặt tiếp xúc được khử khuẩn ít nhất 02 lần/ngày và khi có thủ thuật.
- Dùng hóa chất khử khuẩn được Bộ Y tế cho phép sử dụng trong cơ sở y tế.
- Nhà vệ sinh: nền luôn khô ráo, không rác, không mùi hôi, vách không bụi, trần không mạng nhện, thảm dẫm chân luôn khô ráo

Khu vực sạch thông thường (phòng bệnh, hành lang, phòng làm việc):

- Nền nhà, tường, trần không vết bẩn, không rác, không mùi lạ.
- Thùng rác có nắp đậy, thay túi rác hằng ngày.
- Nhà vệ sinh: nền luôn khô ráo, không rác, không mùi hôi, vách không bụi, trần không mạng nhện, thảm dẫm chân luôn khô ráo
- Quét dọn thường xuyên, không để tồn đọng rác.
- Giữ cảnh quan xanh – sạch – đẹp.

*** Máy móc, thiết bị:**

Nhà thầu phải trang bị đầy đủ, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu vệ sinh bệnh viện, bao gồm nhưng không giới hạn:

Máy chà sàn công nghiệp, máy hút bụi – hút nước công suất $\geq 2000W$.

Xe đẩy chuyên dụng, dụng cụ lau sàn ướt – khô, khăn lau vi sợi, thang nhôm.

Tất cả thiết bị phải có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo an toàn, vận hành êm, không gây tiếng ồn ảnh hưởng đến người bệnh.

*** Hóa chất vệ sinh – khử khuẩn:**

Hóa chất phải nằm trong danh mục được Bộ Y tế cho phép sử dụng tại cơ sở khám chữa bệnh.

Các nhóm hóa chất tối thiểu bao gồm:

Dung dịch sát khuẩn chứa Clo hoạt tính (NaOCl, Cloramin B) để xử lý bề mặt.

Dung dịch gốc cồn (ethanol 70%) để lau các bề mặt tiếp xúc tay thường xuyên.

Dung dịch tẩy rửa, khử mùi cho nhà vệ sinh.

Hóa chất chuyên dụng cho sàn gạch, sàn nhựa, kính, inox.

Hóa chất phải có chứng nhận an toàn, có nhãn mác rõ ràng, còn hạn sử dụng.

Nhà thầu phải có biện pháp lưu trữ, bảo quản, pha chế, cấp phát và sử dụng hóa chất đúng quy định an toàn lao động và kiểm soát nhiễm khuẩn.

*** Yêu cầu nhân sự vệ sinh:**

Nhân viên phải được đào tạo, tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn theo quy định, **sử dụng hóa chất đúng theo hướng dẫn của bệnh viện**

Trang phục đồng bộ, có bảng tên, tuân thủ quy định phòng hộ cá nhân khi làm việc.

Bố trí nhân sự trực ca hợp lý, đủ số lượng theo yêu cầu từng khu vực.

Thực hiện đúng quy tắc vệ sinh một chiều, bảo sự lưu thông theo một hướng thống nhất, ngăn chặn sự chòng chéo và lây nhiễm chéo, hoặc giữa các khu vực bẩn và sạch. Mục tiêu chính là bảo đảm an toàn vệ sinh và nâng cao hiệu quả làm việc.

*** Xử lý chất thải:**

Chất thải được phân loại ngay từ nguồn của các phòng khám, buồng bệnh,...

Chất thải được thu gom vào thùng lớn và được vận chuyển xuống kho rác khi đầy.

Khi vận chuyển, thùng rác được đậy nắp kín tránh rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

Chất thải y tế được vận chuyển riêng theo từng loại về kho lưu trữ riêng của từng loại chất thải.

Vệ sinh sạch sẽ thùng chứa chất thải sau mỗi lần đổ và thu gom (thùng 30 lít và thùng 240l).

Toàn bộ chất thải y tế được xử lý theo quy định.

Thùng giấy phải xếp thùng ngay và gọn ràn khi lưu ở kho.

2.1. Yêu cầu kỹ thuật vệ sinh chi tiết

Nội dung công việc thực hiện gói thầu cung cấp dịch vụ vệ sinh cho Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành phố Cần Thơ theo quy định như sau:

Tầng 1 (tầng trệt): Bao gồm tất cả vị trí tầng trệt: khu X quang, Khoa Khám bệnh (khu tiếp nhận bệnh, khu cấp cứu), phòng lấy máu, khạc đàm, nhà thuốc bệnh viện, hành lang, sảnh, phòng trống, kho:

| Stt | Đối tượng làm sạch | Tần suất | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|---------|
|-----|--------------------|----------|---------|

| | | | |
|----|--|---------------------------------------|----------------------------|
| 1 | Nền nhà | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 2 | Xử lý vết máu, dịch | Vệ sinh ngay | Duy trì sạch trong ca trực |
| 3 | Nhà vệ sinh + lavabol | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 4 | Hành lang, sảnh | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 5 | Ghế dài | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 6 | Đèn neon có máng | 01 lần/ tháng | Duy trì sạch trong ca trực |
| 7 | Cửa kính, cửa ra vào | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 8 | Vách ngăn | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 9 | Quét trần nhà | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 10 | Giường bệnh, xe vận chuyển bệnh (nằm và ngồi) | 01 lần/tuần Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |
| 11 | Tủ đầu giường | 01 lần/ tuần Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |
| 12 | Thang bộ | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 13 | Tay vịn inox dọc hành lang | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 14 | Thu gom chất thải y tế | 02 lần/ ngày và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 15 | Phòng chưa có bệnh | 02 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 16 | Vệ sinh thùng chứa chất thải y tế, thùng chứa đồ vải dơ tại khoa | 02 lần/ tuần và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 17 | Tường ốp | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 18 | Vệ sinh quạt | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 19 | Thay và xử lý thảm chà chân | 04 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |

+ Nhân viên thực hiện: 02 nhân viên.

+ Thời gian làm việc: 08 giờ/ ngày.

+ Buổi sáng bắt đầu từ 06 giờ đến 10 giờ 30 phút.

+ Buổi chiều bắt đầu từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ 00 phút.

Tầng 2:

1) Khoa Hồi sức cấp cứu và điều trị tích cực – chống độc

| Stt | Đối tượng làm sạch | Tần suất | Ghi chú |
|-----|----------------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1 | Nền nhà | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 2 | Xử lý vết máu, dịch | Vệ sinh ngay | Duy trì sạch trong ca trực |
| 3 | Nhà vệ sinh + lavabol | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 4 | Hành lang, sảnh, mái tol | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 5 | Ghế dài | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 6 | Đèn neon có máng | 01 lần/ tháng | Duy trì sạch trong ca trực |
| 7 | Cửa kính, cửa ra vào | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 8 | Vách ngăn | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 9 | Quét trần nhà | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 10 | Tay vịn inox dọc hành lang | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 11 | Thu gom chất thải y tế | 02 lần/ ngày và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 12 | Phòng chưa có bệnh | 02 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |

| | | | |
|----|--|--|----------------------------|
| 13 | Vệ sinh thùng chứa chất thải y tế, thùng chứa đồ vải dơ tại khoa | 02 lần/ tuần và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 14 | Thang máy | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 15 | Tường ốp | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 16 | Thang bộ | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 17 | Vệ sinh quạt | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 18 | Giường bệnh, xe vận chuyển bệnh (nằm và ngồi) | 01 lần/ tháng Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |
| 19 | Thay và xử lý thảm chà chân | 3 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 20 | Tủ đầu giường | 01 lần/ tuần Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |

+ Nhân viên thực hiện: 01 nhân viên.

+ Thời gian làm việc: 08 giờ/ ngày.

+ Buổi sáng bắt đầu từ 06 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút.

+ Buổi chiều bắt đầu từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ 00 phút.

2) Khoa KSNK – VLTL, Khu Nội soi, sảnh căn tin, Khoa Dược:

| Stt | Đối tượng làm sạch | Tần suất | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|--|----------------------------|
| 1 | Nền nhà | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 2 | Xử lý vết máu, dịch | Vệ sinh ngay | Duy trì sạch trong ca trực |
| 3 | Nhà vệ sinh + lavabol | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 4 | Hành lang, sảnh | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 5 | Ghế dài | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 6 | Đèn neon có máng | 01 lần/ tháng | Duy trì sạch trong ca trực |
| 7 | Cửa kính, cửa ra vào | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 8 | Vách ngăn | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 9 | Quét trần nhà | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 10 | Tay vịn inox dọc hành lang | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 11 | Thu gom chất thải y tế | 02 lần/ ngày và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 12 | Phòng chưa có bệnh | 02 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 13 | Vệ sinh thùng chứa chất thải y tế | 01 lần/ tuần và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 14 | Tường ốp | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 15 | Thang bộ | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 16 | Vệ sinh quạt | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 17 | Giường bệnh, xe vận chuyển bệnh ngồi | 01 lần/ tháng Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |
| 18 | Thay và xử lý thảm chà chân | 3 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 19 | Tủ đầu giường | 01 lần/ tuần Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |

+ Nhân viên thực hiện: 01 nhân viên.

+ Thời gian làm việc: 08 giờ/ ngày.

+ Buổi sáng bắt đầu từ 06 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút.

+ Buổi chiều bắt đầu từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ 00 phút.

Tầng 3: Khoa Tạt bệnh phổi:

| Stt | Đối tượng làm sạch | Tần suất | Ghi chú |
|-----|--|--|----------------------------|
| 1 | Nền nhà | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 2 | Xử lý vết máu, dịch | Vệ sinh ngay | Duy trì sạch trong ca trực |
| 3 | Nhà vệ sinh + lavabol | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 4 | Hành lang, sảnh | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 5 | Ghế dài | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 6 | Đèn neon có máng | 01 lần/ tháng | Duy trì sạch trong ca trực |
| 7 | Cửa kính, cửa ra vào | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 8 | Vách ngăn | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 9 | Quét trần nhà | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 10 | Tay vịn inox dọc hành lang | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 11 | Thu gom chất thải y tế | 02 lần/ngày và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 12 | Phòng chưa có bệnh | 02 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 13 | Vệ sinh thùng chứa chất thải y tế, thùng chứa đồ vải dơ tại khoa | 02 lần/ tuần và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 14 | Tường ốp | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 15 | Thang bộ | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 16 | Vệ sinh quạt | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 17 | Giường bệnh, xe vận chuyển bệnh ngồi | 01 lần/ tháng Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |
| 18 | Thang máy | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 19 | Thay và xử lý thảm chà chân | 3 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 20 | Tủ đầu giường | 01 lần/ tuần Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |

+ Nhân viên thực hiện: 01 nhân viên.

+ Thời gian làm việc: 08 giờ/ ngày.

+ Buổi sáng bắt đầu từ 06 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút.

+ Buổi chiều bắt đầu từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ 00 phút.

Tầng 4: Khoa Tạt bệnh phổi:

| Stt | Đối tượng làm sạch | Tần suất | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------------|----------------------------|
| 1 | Nền nhà | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 2 | Xử lý vết máu, dịch | Vệ sinh ngay | Duy trì sạch trong ca trực |
| 3 | Nhà vệ sinh + lavabol | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 4 | Hành lang, sảnh | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 5 | Ghế dài | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 6 | Đèn neon có máng | 01 lần/ tháng | Duy trì sạch trong ca trực |
| 7 | Cửa kính, cửa ra vào | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 8 | Vách ngăn | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 9 | Quét trần nhà | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |

| | | | |
|----|--|---------------------------------------|----------------------------|
| 10 | Tay vịnh inox dọc hành lang | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 11 | Thu gom chất thải y tế | 02 lần/ngày và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 12 | Phòng chưa có bệnh | 02 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 13 | Vệ sinh thùng chứa chất thải y tế, thùng chứa đồ vải dơ tại khoa | 01 lần/ tuần và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 14 | Tường ốp | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 15 | Thang bộ | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 16 | Vệ sinh quạt | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 17 | Giường bệnh, xe vận chuyển bệnh ngời | 01 lần/ tuần Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |
| 18 | Thang máy | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 19 | Thay và xử lý thảm chà chân | 3 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 20 | Tủ đầu giường | 01 lần/ tuần Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |

+ Nhân viên thực hiện: 01 nhân viên.

+ Thời gian làm việc: 08 giờ/ ngày.

+ Buổi sáng bắt đầu từ 06 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút.

+ Buổi chiều bắt đầu từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ 00 phút.

Tầng 5: Khoa Lao

| Stt | Đối tượng làm sạch | Tần suất | Ghi chú |
|------------|--|--|----------------------------|
| 1 | Nền nhà | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 2 | Xử lý vết máu, dịch | Vệ sinh ngay | Duy trì sạch trong ca trực |
| 3 | Nhà vệ sinh + lavabol | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 4 | Hành lang, sảnh | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 5 | Ghế dài | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 6 | Đèn neon có máng | 01 lần/ tháng | Duy trì sạch trong ca trực |
| 7 | Cửa kính, cửa ra vào | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 8 | Vách ngăn | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 9 | Quét trần nhà | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 10 | Tay vịnh inox dọc hành lang | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 11 | Thu gom chất thải y tế | 02 lần/ ngày và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 12 | Phòng chưa có bệnh | 02 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 13 | Vệ sinh thùng chứa chất thải y tế, thùng chứa đồ vải dơ tại khoa | 01 lần/ tuần và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 14 | Tường ốp | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 15 | Thang bộ | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 16 | Vệ sinh quạt | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 17 | Giường bệnh, xe vận chuyển bệnh ngời | 01 lần/ tháng Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |
| 18 | Thang máy | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 19 | Thay và xử lý thảm chà chân | 3 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |

| | | | |
|----|---------------|---------------------------------------|----------------------------|
| 20 | Tủ đầu giường | 01 lần/ tuần Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |
|----|---------------|---------------------------------------|----------------------------|

- + Nhân viên thực hiện: 01 nhân viên.
- + Thời gian làm việc: 8 giờ/ ngày.
- + Buổi sáng bắt đầu từ 6 giờ đến 10 giờ 30 phút.
- + Buổi chiều bắt đầu từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ.

Tầng 6: Khoa Lao kháng thuốc:

| Stt | Đối tượng làm sạch | Tần suất | Ghi chú |
|-----|--|--|----------------------------|
| 1 | Nền nhà | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 2 | Xử lý vết máu, dịch | Vệ sinh ngay | Duy trì sạch trong ca trực |
| 3 | Nhà vệ sinh + lavabol | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 4 | Hành lang, sảnh | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 5 | Ghế dài | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 6 | Đèn neon có máng | 01 lần/ tháng | Duy trì sạch trong ca trực |
| 7 | Cửa kính, cửa ra vào | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 8 | Vách ngăn | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 9 | Quét trần nhà | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 10 | Tay vịn inox dọc hành lang | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 11 | Thu gom chất thải y tế | 02 lần/ngày và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 12 | Phòng chưa có bệnh | 02 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 13 | Vệ sinh thùng chứa chất thải y tế, thùng chứa đồ vải dơ tại khoa | 02 lần/ tuần và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 14 | Tường ốp | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 15 | Thang bộ | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 16 | Vệ sinh quạt | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 17 | Giường bệnh, xe vận chuyển bệnh ngời | 01 lần/ tháng Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |
| 18 | Thang máy | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 19 | Thay và xử lý thảm chà chân | 3 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 20 | Tủ đầu giường | 01 lần/ tuần Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |

- + Nhân viên thực hiện: 01 nhân viên.
- + Thời gian làm việc: 08 giờ/ ngày.
- + Buổi sáng bắt đầu từ 06 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút.
- + Buổi chiều bắt đầu từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ 00 phút.

Tầng 7: Khoa Bệnh phổi:

| Stt | Đối tượng làm sạch | Tần suất | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------|----------------------------|
| 1 | Nền nhà | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 2 | Xử lý vết máu, dịch | Vệ sinh ngay | Duy trì sạch trong ca trực |
| 3 | Nhà vệ sinh + lavabol | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |

| | | | |
|----|--|--|----------------------------|
| 4 | Hành lang, sảnh | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 5 | Ghế dài | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 6 | Đèn neon có máng | 01 lần/ tháng | Duy trì sạch trong ca trực |
| 7 | Cửa kính, cửa ra vào | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 8 | Vách ngăn | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 9 | Quét trần nhà | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 10 | Tay vịn inox dọc hành lang | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 11 | Thu gom chất thải y tế | 02 lần/ngày và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 12 | Phòng chưa có bệnh | 02 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 13 | Vệ sinh thùng chứa chất thải y tế, thùng chứa đồ vải dơ tại khoa | 01 lần/ tuần và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 14 | Tường ốp | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 15 | Thang bộ | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 16 | Vệ sinh quạt | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 17 | Giường bệnh, xe vận chuyển bệnh ngời | 01 lần/ tháng Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |
| 18 | Thang máy | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 19 | Thay và xử lý thảm chà chân | 3 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 20 | Tủ đầu giường | 01 lần/ tuần Khi bệnh nhân ra viện | Duy trì sạch trong ca trực |

+ Nhân viên thực hiện: 01 nhân viên.

+ Thời gian làm việc: 08 giờ/ ngày.

+ Buổi sáng bắt đầu từ 06 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút.

+ Buổi chiều bắt đầu từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ 00 phút.

Tầng 8: Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh:

| Stt | Đối tượng làm sạch | Tần suất | Ghi chú |
|-----|--|-------------------------|----------------------------|
| 1 | Nền nhà | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 2 | Xử lý vết máu, dịch | Vệ sinh ngay | Duy trì sạch trong ca trực |
| 3 | Nhà vệ sinh + lavabol | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 4 | Hành lang, sảnh | 02 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 5 | Đèn neon có máng | 01 lần/ tháng | Duy trì sạch trong ca trực |
| 6 | Cửa kính, cửa ra vào | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 7 | Vách ngăn | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 8 | Quét trần nhà | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 9 | Thu gom chất thải y tế | 02 lần/ngày và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 10 | Phòng chưa có bệnh | 02 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 11 | Vệ sinh thùng chứa chất thải y tế, thùng chứa đồ vải dơ tại khoa | 02 lần/ tuần và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 12 | Tường ốp | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 13 | Thang bộ | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 14 | Vệ sinh quạt | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |

| | | | |
|----|-----------------------------|--------------|----------------------------|
| 15 | Thang máy | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 16 | Thay và xử lý thảm chà chân | 3 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |

+ Nhân viên thực hiện: 01 nhân viên.

+ Thời gian làm việc: 08 giờ/ ngày.

+ Buổi sáng bắt đầu từ 06 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút.

+ Buổi chiều bắt đầu từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ 00 phút.

- Tổ nam:

| Stt | Đối tượng làm sạch | Tần suất | Ghi chú |
|-----|---|-------------------------|----------------------------|
| 1 | Lau kính | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 2 | Chà sàn nhà bằng máy | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 3 | Tổng vệ sinh thang máy | Hằng ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 4 | Lau thang máy với hóa chất | 01 lần/ ngày | Duy trì sạch trong ca trực |
| 5 | Lau quạt | 01 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 6 | Quét trần nhà (mạng nhện) | 02 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 7 | Quét ban công | 01 lần/ tuần và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 8 | Thu gom chất thải về khu lưu giữ | 02 lần/ ngày và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 9 | Vệ sinh thùng chứa chất thải y tế và khu lưu giữ chất thải y tế | 01 lần/ ngày và khi cần | Duy trì sạch trong ca trực |
| 10 | Vệ sinh các mái nhà | 02 lần/ tuần | Duy trì sạch trong ca trực |

+ Nhân viên thực hiện: 02 nhân viên.

+ Thời gian làm việc: 08 giờ/ ngày.

+ Buổi sáng bắt đầu từ 06 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút.

+ Buổi chiều bắt đầu từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ 00 phút.

Khu vực khác:

- Sảnh lầu 3 và lầu 8: tổng vệ sinh 01 lần/ tuần.

- Kính phía bên ngoài của toàn bệnh viện: tổng vệ sinh 01 lần/tuần

- Khu sinh viên, làm vệ sinh hằng ngày (quét dọn, lau chùi, thay rác,...)

- Nhà xử lý rác thải bệnh viện: tổng vệ sinh 01 lần/tuần và khi cần.

- Bố trí 01 nhân viên trực giờ nghỉ trưa, khi cần vệ sinh khi các khoa có yêu cầu xử lý ngay.

- Bố trí 01 nhân viên trực đêm, sau thời gian làm việc thường lệ, từ 16h00 hôm nay đến 06h00 hôm sau.

II. Yêu cầu công việc:

+ Thời gian làm việc: Tất cả các ngày trong tuần (kể cả ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày Lễ, Tết).

+ Giá dịch vụ nêu trên bao gồm các chi phí về hóa chất, bọc đựng rác, máy móc trang thiết bị vệ sinh.

+ Bệnh viện không phải chi trả thêm bất kỳ khoản phí nào khác.

+ Tổng số người: tối thiểu 12 người trở lên (trong đó có 01 giám sát, chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư), sức khỏe tốt, nhanh nhẹn, biết cách làm, thái độ tốt; còn trong độ tuổi lao động, có tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn.

2.2- Yêu cầu về hóa chất sử dụng

2.1. Các loại hóa chất:

- Hóa chất làm sạch trung tính.
- Hóa chất vệ sinh kính.
- Hóa chất lau nhà vệ sinh.
- Hóa chất khử mùi.
- Nước tẩy.
- Xà bông.

2.2. Chất lượng hóa chất:

- Hóa chất trên có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được ghi rõ ràng trên bao bì sản phẩm.

- Hóa chất cung cấp đã được trung tính, phù hợp với môi trường, không có tính ăn mòn, khử khuẩn từ bậc trung trở lên.

- Hóa chất có thể thay đổi theo yêu cầu của bệnh viện.

- Hóa chất có tài liệu công bố rõ ràng thành phần, tác dụng chỉ định của nhà sản xuất.

- Có bảng đăng ký hóa chất làm vệ sinh kèm theo Hồ sơ dự thầu, hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu sử dụng hóa chất không đúng quy định.

| Stt | Loại hóa chất | Đơn vị | Yêu cầu kỹ thuật | Số lượng yêu cầu | Ghi chú |
|-----|--|--------------|---|----------------------|---------|
| 1 | Dung dịch tẩy rửa, khử khuẩn bề mặt trang thiết bị | Lít | <ul style="list-style-type: none">- Dạng dung dịch.- Có tác dụng diệt khuẩn hoàn toàn đối với các vi khuẩn.- Được phép lưu hành tại Việt Nam. | Theo thực tế sử dụng | |
| 2 | Hóa chất khử khuẩn | Hộp/ Tuýp | <ul style="list-style-type: none">- Diệt khuẩn nhanh, phổ tác dụng rộng, có tác dụng đối với tất cả các loại vi khuẩn.- Khử khuẩn bề mặt tường, sàn, thiết bị và các bề mặt khác.- Được phép lưu hành tại Việt Nam. | Theo thực tế sử dụng | |
| 3 | Cồn | Lít | <ul style="list-style-type: none">- Có công dụng tiêu diệt các loại vi khuẩn gây bệnh- Sát khuẩn bề mặt thiết bị, dụng cụ và các bề mặt khác. | Theo thực tế sử dụng | |

| Stt | Loại hóa chất | Đơn vị | Yêu cầu kỹ thuật | Số lượng yêu cầu | Ghi chú |
|-----|--------------------------|--------|---|----------------------|---------|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Nồng độ 70-90% Ethanol. - Được phép lưu hành tại Việt Nam. | | |
| 4 | Hóa chất lau sàn | Lít | <ul style="list-style-type: none"> - Làm sạch bụi và các vết bẩn giúp giữ sàn và các bề mặt luôn sạch. - Có mùi thơm dễ chịu. - Được phép lưu hành tại Việt Nam. | Theo thực tế sử dụng | |
| 5 | Hóa chất lau kính | Lít | <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh làm bóng các bề mặt kính trong nhà và ngoài trời. - Có mùi thơm dễ chịu. - Được phép lưu hành tại Việt Nam. | Theo thực tế sử dụng | |
| 6 | Hóa chất tẩy bồn cầu | Lít | <ul style="list-style-type: none"> - Làm sạch các vết bẩn, vết ố vàng, giúp cho các thiết bị sứ như bệ toilet,... luôn sạch sẽ, trắng sáng. - Có mùi dễ chịu. - Được phép lưu hành tại Việt Nam. | Theo thực tế sử dụng | |
| 7 | Hóa chất xịt phòng | Lít | <ul style="list-style-type: none"> - Dùng để xịt thơm phòng. - Hương thơm dễ chịu và thời gian lưu lâu. - Không gây kích ứng da, mắt. - Được phép lưu hành tại Việt Nam. | Theo thực tế sử dụng | |
| 8 | Hóa chất tẩy rửa đa năng | Lít | <ul style="list-style-type: none"> - Tẩy và làm mới tất cả các vật dụng bị rỉ sét, dơ, ố vàng, bụi bám lâu năm trên bề mặt các vật dụng như: Nhựa, inox, kim loại,... - Không làm hư hỏng bề mặt vật dụng. - Có mùi dễ chịu. - Được phép lưu hành tại Việt Nam. | Theo thực tế sử dụng | |
| 9 | Bột giặt | Gói | <ul style="list-style-type: none"> - Làm sạch các vết bẩn trên đồ vải, bề mặt. - Có mùi dễ chịu. - Được phép lưu hành tại Việt Nam. | Theo thực tế sử dụng | |
| 10 | Nước tẩy | Lít | <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Natri Hypoclorite 10% - Sử dụng trong ngành công | Theo thực tế sử dụng | |

| Stt | Loại hóa chất | Đơn vị | Yêu cầu kỹ thuật | Số lượng yêu cầu | Ghi chú |
|-----|---------------|--------|---|------------------|---------|
| | | | nghiệp tẩy trắng, khử trùng trong xử lý nước và vệ sinh môi trường. - Được phép lưu hành tại Việt Nam. | | |

2.3- Yêu cầu về thiết bị sử dụng

2.3.1. Danh sách thiết bị:

| TT | Tên thiết bị | Số lượng | Ghi chú |
|----|---------------------------------|----------------------|--|
| 1 | Máy chà rửa sàn đa năng | ≥ 01 bộ | <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế nhỏ gọn, sử dụng linh hoạt cho nhiều khu vực khác nhau. - Bàn chải chà sàn được phân loại theo màu sắc làm vệ sinh riêng cho từng khu vực. - Không quá ồn khi hoạt động |
| 2 | Máy hút bụi khô | ≥ 01 bộ | <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế nhỏ gọn, sử dụng linh hoạt cho nhiều khu vực khác nhau. - Có nhiều loại đầu hút phù hợp sử dụng tại nhiều khu vực khác nhau. - Không quá ồn khi hoạt động |
| 3 | Máy hút nước trên sàn | ≥ 01 bộ | <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích bình chứa lớn (≥ 80 lít), sử dụng linh hoạt cho nhiều khu vực khác nhau. - Có nhiều loại đầu hút phù hợp sử dụng tại nhiều khu vực khác nhau. - Không quá ồn khi hoạt động |
| 5 | Xe làm vệ sinh khu vực đặc biệt | ≥ 02 bộ | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trong, khoa HSCC ĐTTC – CĐ, khu nội soi, các khu vực lâm sàng. - Xe nhỏ, dễ di chuyển & sử dụng trong khu vực này. - Kích thước phù hợp theo từng khu vực, khoa phòng |
| 6 | Xe làm vệ sinh các Khoa | ≥ 10 bộ | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng khi làm vệ sinh tại các khoa, phòng. - Đảm bảo có chỗ bố trí đầy đủ các dụng cụ, hóa chất, vật tư phục vụ công tác vệ sinh trên xe. - Kích thước phù hợp theo từng khu vực, khoa phòng |
| 7 | Tải lau, Khăn lau các loại | Theo thực tế sử dụng | <ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều màu sắc sử dụng theo từng khu vực vệ sinh. - Kích thước khăn lau ≥ 28cm x 27cm - Kích thước tải lau ≥ 44cm x 15cm - Đảm bảo đủ số lượng khi sử dụng. |
| 8 | Cây lau kính, | Theo | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng vệ sinh lau chùi độ cao. |

| TT | Tên thiết bị | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|---|-----------------|--|
| | tường | thực tế sử dụng | - Đảm bảo đủ số lượng đầu lau khi sử dụng. |
| 9 | <p>Các dụng cụ, vật tư khác phải trang bị đầy đủ theo yêu cầu thực tế: Bàn chải, ủng cao su, găng tay, nón, tạp dề, khẩu trang, đồ gấp rác, hốt rác, bọc đựng rác, chổi quét sàn, chổi quét ngoại cảnh, thang nhôm, thảm dậm chân, cây thụt bồn cầu để thông các bồn cầu, cống rãnh bị nghẹt, và các thiết bị khác phục vụ vệ sinh,...</p> | | |

2.3.2. Danh sách dụng cụ vệ sinh, vật tư thông dụng:

| Stt | Tên dụng cụ vệ sinh | Đơn vị tính | Số lượng |
|------------|---|--------------------|-----------------|
| 1 | Chổi cỏ | Cây | Trọn gói |
| 2 | Chổi dừa | Cây | Trọn gói |
| 3 | Cọ | Cây | Trọn gói |
| 4 | Chổi lông gà | Cây | Trọn gói |
| 5 | Cây lau sàn | Cây | Trọn gói |
| 6 | Bàn chải cong | Cái | Trọn gói |
| 7 | Cây thụt bồn cầu | Cây | Trọn gói |
| 8 | Chổi quét nước | Cây | Trọn gói |
| 9 | Găng tay cao su | Đôi | Trọn gói |
| 10 | Khăn | Kg | Trọn gói |
| 11 | Ki hốt rác | Cái | Trọn gói |
| 12 | <p>Túi đựng rác MÀU XANH; MÀU VÀNG; MÀU ĐEN, MÀU TRẮNG TRONG. Phù hợp với thùng rác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu vàng đựng chất thải lây nhiễm. - Màu đen đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm. - Màu xanh đựng chất thải thông thường. - Màu trắng đựng chất thải tái chế. | Kg | Trọn gói |
| 13 | Chổi dài quét trần nhà | Cái | Trọn gói |
| 14 | Bảng nhựa cảnh báo chống trơn trượt, té ngã. | Cái | Trọn gói |

| | | | |
|----|---|-----|---|
| 15 | Thảm chà chân (vải, 6 tất) | Tấm | Trọn gói (khi hư hỏng phải thay mới) |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi khoa, phòng trang bị 01 bộ dụng cụ riêng với khu bệnh (xe đẩy đồ, bộ lao sàn, bàn ghế, cửa, kính, nhà vệ sinh,...) - Vị trí để gọn gàng, đúng nơi quy định - Dụng cụ không được quá cũ, thay mới khi hư hỏng, cũ. | | |

1. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

- Giải pháp và phương pháp luận.
- Kế hoạch thực hiện.

2. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ

Kiểm tra chất lượng: Bộ phận chuyên môn của Chủ đầu tư kiểm tra hàng ngày về chất lượng dịch vụ do nhà thầu thực hiện làm cơ sở đánh giá và nghiệm thu, thanh toán (nếu vi phạm không đảm bảo giờ làm việc, nhân sự không đảm bảo; dụng cụ, vật tư, máy móc, hóa chất, yêu cầu về nhân viên,... không đáp ứng sẽ quy định trừ tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng)